

Bản án số: 250/2020/HS-ST
Ngày 22-12-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TU, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Văn Hưng;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Quang Xệt;

2. Bà Trần Thị Mộng Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Thế- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tiến hành phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 260/2020/HSST ngày 01 tháng 12 năm 2020 về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 258/2020/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

Chau R, sinh năm 1998 tại tỉnh An Giang; thường trú: Ấp P, xã L, huyện T, tỉnh An Giang; tạm trú: Khu phố 1, phường V, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: Lớp 3/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Khơ me; tôn giáo: Phật giáo; con ông Chau Đ, sinh năm 1971 và bà N, sinh năm 1972. Bị cáo chung sống như vợ chồng với chị P, sinh năm 1999 và có 01 con tên N, sinh ngày 11/11/2017; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 08/7/2020 cho đến nay; có mặt.

2. *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Đỗ Thanh V, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bình Dương; có mặt.

3. *Bị hại:* Bà Ngô Thị G, sinh năm 1988 (đã chết).

Người đại diện hợp pháp của bị hại:

3.1 Ông Ngô Văn X, sinh năm 1938; thường trú: Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

3.2 Bà Văn Thị A, sinh năm 1942; địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của ông X và bà A: Ông Ngô Văn H, sinh năm 1981; thường trú: Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau; tạm trú: Khu phố K, phường P, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; có mặt.

3.3 Cháu Phạm Kim N, sinh ngày 15/9/2010; thường trú: Tổ 1, ấp M, xã B, huyện BTU, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của cháu Ngân: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1984; thường trú: Tổ 1, ấp M, xã B, huyện BTU, tỉnh Bình Dương; có mặt.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

4.1 Ông Chau Đ, sinh năm 1971; thường trú: Ấp P, xã L, huyện T, tỉnh An Giang; tạm trú: Khu phố 1, phường V, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; có mặt.

4.2 Bà Nèang P, sinh năm 1972; địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện T, tỉnh An Giang; tạm trú: Khu phố 1, phường V, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; yêu cầu xét xử vắng mặt.

4.3 Chị Nèang P1, sinh năm 1999; địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện T, tỉnh An Giang; tạm trú: Khu phố 1, phường V, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; có mặt.

4.4 Ông Phạm Văn T, sinh năm 1984; thường trú: Tổ 1, ấp M, xã B, huyện BTU, tỉnh Bình Dương; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Chau R, không có giấy phép lái xe mô tô theo quy định. Khoảng 20 giờ 20 phút ngày 04/02/2020, bị cáo Chau R điều khiển xe mô tô biển số 67N1-390.78 lưu thông từ nhà trọ tại khu tái định cư thuộc Khu phố 1, phường V, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương đi ra hướng đường số 29 Khu công nghiệp VSIP 2 thuộc Khu phố 1, phường V, thị xã TU, tỉnh Bình Dương. Khi bị cáo Chau Đ Ra điều khiển xe mô tô biển số 67N1-39078 rẽ trái về hướng đường Dân Chủ nhưng không chú ý và đi không đúng phần đường quy định nên va chạm vào đầu xe mô tô biển số 61E1-243.63 do bà Ngô Thị Giàu điều khiển lưu thông theo hướng ngược chiều. Hậu quả của vụ tai nạn giao thông làm bà Ngô Thị Giàu bị thương tích nặng được đưa đi cấp cứu nhưng đã tử vong vào hồi 20 giờ 15 phút ngày 04/02/2020 tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Dương; bị cáo Chau R bị thương tích và 02 xe mô tô bị hư hỏng nặng.

Biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn giao thông thể hiện:

Hiện trường vụ tai nạn là đoạn đường số 29 Khu công nghiệp VSIP2 thuộc khu phố 1, xã V, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương có đặc điểm như sau:

Đoạn đường thẳng, mặt đường trải nhựa phẳng chiều rộng 15m, có vạch sơn vàng không liền nét chia mặt đường thành 02 chiều riêng biệt, mỗi chiều có bề rộng 7,5m.

Xe mô tô biển số 67N1-39078 sau tai nạn nằm ngã về bên trái, đầu xe hướng về đường Bạch Đằng, phần sau xe hướng về đường Dân Chủ, trục bánh trước xe đo vào mép lề phải là 4,5m, trục bánh sau xe đo vào mép lề phải là 4,9m.

Xe mô tô biển số 61E1-24363 sau tai nạn ngã về bên phải, phần đầu xe hướng về đường Bạch Đằng, phần sau xe hướng về đường Dân Chủ, trục bánh trước đo vào mép lề phải là 05m, trục bánh sau cách mép lề phải là 4,3m.

Kết luận giám định pháp y tử thi số 89/GĐPY ngày 07/02/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Bình Dương xác định nguyên nhân tử vong của bị hại Ngô Thị G như sau: Choáng đa chấn thương, chấn thương ngực bụng, dập phổi, vỡ gan, vỡ lách, gãy xương đùi.

Cáo trạng số 260/CT-VKS.TU ngày 26/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên truy tố bị cáo Chau R về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Chau R phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Chau R có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; tự nguyện bồi thường thiệt hại để khắc phục một phần hậu quả; là người dân tộc thiểu số nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b và s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

- Về hình phạt: Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 260; các điểm b và s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Chau R từ 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng đến 04 (Bốn) năm tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Chau R đã bồi thường cho gia đình bị hại số tiền là 70.000.000 đồng. Tại phiên tòa, đại diện bị hại và bị cáo thỏa thuận được về việc bị cáo bồi thường thêm số tiền sửa chữa xe là 6.700.000 đồng và cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000 đồng để nuôi cháu Phạm Kim N, sinh ngày 15/9/2010 cho đến khi 18 tuổi. Sự thỏa thuận của bị cáo và đại diện bị hại là tự nguyện, phù hợp với Điều 48 Bộ luật hình sự và các điều 591 và 601 của Bộ luật dân sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Về xử lý vật chứng:

Xe mô tô biển số 61E1-243.63, số máy 5C63589113; số khung RLCS5C630CY589068 do ông Phạm Văn T1 là chồng của bị hại G đứng tên chủ sở hữu. Ngày 26/8/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã TU đã trả lại xe mô tô mang biển số 61E1-24363 cho ông Phạm Văn T1.

Xe mô tô biển số 67N1-39078, số máy KC26E121047; số khung RLHKC2607GY365130 do ông Chau Đ là cha ruột của bị cáo Chau Đô Ra đứng tên chủ sở hữu. Vào ngày 04/02/2020, bị cáo Chau R tự ý lấy xe mô tô biển số 67N1-39078 đi không hỏi ý kiến ông Chau Đ. Ngày 26/8/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã TU đã trả lại xe mô tô mang biển số 67N1-39078 cho ông Chau Đ.

Do đó, không đề nghị Hội đồng xét xử đề cập giải quyết.

Tại phiên tòa, bị cáo Chau R đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng nêu trên và đồng ý bồi thường thêm cho đại diện bị hại số tiền sửa chữa xe là 6.700.000 đồng và cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000 đồng để nuôi cháu Phạm Kim N, sinh ngày 15/9/2010 cho đến khi 18 tuổi.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo trình bày: Thống nhất với tội danh, khung hình phạt, điều khoản truy tố và quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét như sau: Bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; tự nguyện bồi thường thiệt hại để khắc phục một phần hậu quả; là người dân tộc thiểu số nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế. Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ

luật hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa đại diện hợp pháp của bị hại ông Ngô Văn Hùng trình bày: Bị cáo Chau R đã bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 70.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo và ông Phạm Văn T1 thỏa thuận được về việc bị cáo bồi thường thêm cho ông Phạm Văn T1 số tiền sửa chữa xe là 6.700.000 đồng và cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000 đồng để nuôi cháu Phạm Kim N, sinh ngày 15/9/2010 cho đến khi 18 tuổi. Do đó, ông Hùng đồng ý với sự thỏa thuận nêu trên, không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm.

Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Phạm Văn T1 trình bày: Ông T1 chung sống với bị hại Ngô Thị G từ năm 2009 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Ông T1 và bà Giàu có 01 con chung tên Phạm Kim N, sinh ngày 15/9/2010. Hiện nay, ông T1 đang nuôi con tên Phạm Kim N. Sau khi bà G chết, bị cáo đã bồi thường số tiền 70.000.000 đồng. Chiếc xe mô tô biển số 61E1-243.63 là của ông đứng tên sở hữu. Ngày 26/8/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã TU đã trả lại xe mô tô mang biển số 61E1-24363 cho ông T1. Tuy nhiên, ông T1 đã phải sửa chữa xe với số tiền là 6.700.000 đồng. Do đó, yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm số tiền 6.700.000 đồng và cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng cho đến khi cháu Phạm Kim N đủ 18 tuổi.

Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án gồm ông Chau Đôn và bà Nèang Phêne thống nhất trình bày: Ông bà là cha mẹ ruột của bị cáo Chau Đô Ra. Sau khi xảy ra tai nạn làm chết bà Ngô Thị Giàu thì ông bà đã góp số tiền 50.000.000 đồng để giúp bị cáo bồi thường cho gia đình bị hại. Ông bà không yêu cầu trả lại số tiền nêu trên.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là chị Nèang P thống nhất trình bày: Chị chung sống nhưng chưa đăng ký kết hôn với bị cáo Chau R. Sau khi xảy ra tai nạn làm chết bà Ngô Thị G thì chị có góp số tiền 20.000.000 đồng để giúp bị cáo bồi thường cho gia đình bị hại. Chị không yêu cầu trả lại số tiền nêu trên.

Trong phần trình bày lời nói sau cùng, bị cáo đã nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trên địa bàn thị xã TU, tỉnh Bình Dương. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã TU khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với các bị cáo là đúng thẩm quyền.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Tân Uyên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã TU và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố là đúng thẩm quyền và đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh và khung hình phạt:

Lời khai của bị cáo Chau R tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, thống nhất với nhau về quá trình thực hiện hành vi phạm tội; phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận:

Khoảng 20 giờ 20 phút ngày 04/02/2020, bị cáo Chau Đô Ra không có giấy phép lái xe theo quy định điều khiển xe mô tô biển số 67N1-390.78 lưu thông không đúng phần đường quy định và thiếu chú ý quan sát đã gây tai nạn giao thông với xe mô tô biển số 61E1-243.63 do bị hại Ngô Thị G điều khiển lưu thông theo hướng ngược chiều. Hậu quả của vụ tai nạn làm chết bị hại Ngô Thị G, bị cáo Châu R bị thương tích và hai xe mô tô bị hư hỏng nặng.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm đối với xã hội, thể hiện thái độ coi thường pháp luật, xâm phạm đến quyền về sức khỏe, tính mạng và tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Khi phạm tội, bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình có thể gây hậu quả nghiêm trọng nhưng do chủ quan, cẩu thả mà phạm tội. Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã TU truy tố bị cáo về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; tự nguyện bồi thường thiệt hại để khắc phục một phần hậu quả; là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện khó khăn cho nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b và s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Về căn cứ quyết định hình phạt:

Xét thấy mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là quá nghiêm khắc; ý kiến trình bày của người bào chữa có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho đại diện hợp pháp của bị hại số tiền là 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng*). Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của bị hại và bị cáo thỏa thuận được với nhau về việc bị cáo bồi thường thêm cho ông Phạm Văn T1 chi phí sửa chữa xe là 6.700.000 đồng và tiền cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Kim Ngmỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi đủ 18 tuổi. Xét thấy, thỏa thuận giữa bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 48 Bộ luật Hình sự và các điều 591 và 601 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 46 và Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử thấy:

Chiếc xe mô tô biển số 61E1-243.63, số máy 5C63589113; số khung RLCS5C630CY589068 thuộc quyền sở hữu của ông Phạm Văn T1. Ngày 26/8/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Tân Uyên đã trả lại xe mô tô mang biển số 61E1-24363 cho ông Phạm Văn T1.

Chiếc xe mô tô biển số 67N1-39078, số máy KC26E121047; số khung RLHKC2607GY365130 thuộc quyền sở hữu của ông Chau Đ và bà Nèang P. Vào ngày 04/02/2020, bị cáo Chau R tự ý lấy xe mô tô biển số 67N1-39078. Do đó, ông Chau Đ và bà Nèang P không có lỗi. Ngày 26/8/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã TU đã trả lại xe mô tô mang biển số 67N1-39078 cho ông Chau Đ.

Hội đồng xét xử thấy việc trả xe là phù hợp pháp luật.

[8] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phạm tội, bị kết án và phải bồi thường thiệt hại nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các điều 106, 135, 136, 268, 269, 298, 331 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự;
- Điểm a khoản 2 Điều 260; các điểm b và s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; các điều 38, 41, 46, 47 và 48 của Bộ luật hình sự;
- Các điều 591 và 601 của Bộ luật dân sự;
- Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Chau R phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Chau R 03 (Ba) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Chau R có trách nhiệm bồi thường cho ông Phạm Văn T1 chi phí sửa chữa xe là 6.700.000 đồng (*Sáu triệu bảy trăm nghìn đồng*) và cấp dưỡng hàng tháng với số tiền 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) để nuôi dưỡng cháu Phạm Kim N, sinh ngày 15/9/2010 cho đến khi đủ 18 tuổi.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án nộp đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán xong số tiền phải thi hành thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

4. Về án phí sơ thẩm: Bị cáo Chau R phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

5.1 Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

5.2 Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- PV06, Công an tỉnh Bình Dương (01);
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã Tân Uyên (01);
- Công an thị xã Tân Uyên (03);
- Chi cục THADS thị xã Tân Uyên (01)
(để thi hành);
- Người tham gia tố tụng (05);
- Lưu: VT, HS (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Văn Hưng